

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	3
6. Các rủi ro.	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	4
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	4
2. Tổ chức và nhân sự:.....	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	7
4. Tình hình tài chính.....	7
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	8
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012:.....	10
2. Tình hình tài chính:.....	12
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	13
5. Kế hoạch phát triển trong năm 2013:	14
6. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...15	
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	15
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	17
3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	17
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1. Hội đồng quản trị	18
2. Ban kiểm soát	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	23
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	25
1. Ý kiến kiểm toán:.....	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).....	26

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI Năm 2012

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.
- Vốn điều lệ 31/12/2012: 131.038.300.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.038.300.000 VND.
- Địa chỉ: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.37421118 Fax: 08.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- In bao bì; sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá;

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các công ty sản xuất thuốc lá điều trong cả nước từ Bắc tới Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định luật doanh nghiệp và luật chứng khoán bao gồm:

- Các cổ đông công ty.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Đầu tư.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phát triển bền vững, giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng.
- Sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;

- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất là thiết bị nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.

6. Các rủi ro.

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một số lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điều và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So sánh (%)	
				TH-2012/ TH-2011	TH-2012/ KH-2012
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.535.218	1.580.000	1.382.343	90,04%	87,49%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	65.402	60.000	52.962	80,98%	88,27%

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đạt kết quả không tốt so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều chưa đạt mức kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao cụ thể : Tổng doanh thu năm 2012 đạt 1.382 tỷ đồng, chỉ bằng 87,5% so với kế hoạch năm và chỉ được 90% so với cùng kỳ. Doanh thu giảm kéo theo lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty cũng giảm mạnh chỉ đạt 52,9 tỷ đồng bằng 88,3% so với kế hoạch năm và chỉ đạt 81% so cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Bùi Tấn Hòa + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 26/04/1971 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí Giám đốc, Ủy viên hội đồng quản trị Không. 9.041 CP, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
2. Ông Nguyễn Đức Hanh + Giới tính + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 01/01/1974 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí Phó Giám đốc Không. 8.460 CP, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Hoàng Minh + Giới tính + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 12/10/1980 Sài gòn Việt Nam Cử nhân kinh tế Phó Giám đốc Không. 400 CP, chiếm 0,003% vốn điều lệ.

4. Ông Trương Bình An Sơn	
+ Giới tính	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	02/08/1958
+ Nơi sinh :	Sài gòn
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	48.999 CP, chiếm 0,37% vốn điều lệ.

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không thay đổi

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2012 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	2
2. Đại học	54
3. Cao đẳng	12
4. Trung cấp	41
5. Trung học dạy nghề	77
6. Lao động phổ thông	148
Tổng cộng :	334

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2012 đạt 8.460.000 đồng/người/tháng.

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm công ty hoàn tất việc đầu tư về máy móc thiết bị gồm : 01 máy in ống đồng 8 màu và 01 máy cắt giấy chia cuộn với tổng giá trị thực hiện là 21 tỷ đồng. Các thiết bị đã được đưa vào sử dụng ổn định.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	Đồng	626.168.421.863	580.065.644.099	-7,4%
Doanh thu thuần	"	1.526.330.133.186	1.380.338.786.617	-9,6%
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	"	64.274.793.684	52.606.044.697	-18,2%
Lợi nhuận khác	"	1.126.769.686	356.069.261	-68,4%
Lợi nhuận trước thuế	"	65.401.563.370	52.962.113.958	-19,0%
Lợi nhuận sau thuế	"	60.096.147.138	48.736.696.342	-18,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	%	54,5%	53,8%	-1,4%

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức 2011 là 25%/ vốn điều lệ chiếm 54,5% lợi nhuận sau thuế, năm 2012 kế hoạch cổ tức là 20% .

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,35	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	"	0,74	0,52	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,64	0,59	
+ Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	"	1,76	1,43	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	5,56	4,50	
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	"	2,44	2,38	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	Lần	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	"	0,27	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	0,10	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	"	0,04	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần tại 31/12/2012:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: -
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 13.103.830 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: -
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 01/03/2013:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	594	12.853.822	98.09%
1	Nhà nước	1	6.683.040	51,00%
2	Hội đồng quản trị, BGD, BKS	7	173.769	1,33%
3	Cá nhân trong công ty	88	668.769	5,10%

4	Cá nhân ngoài công ty	470	3.850.227	29,38%
5	Tổ chức trong nước	28	1.478.017	11,28%
II.	Nước ngoài	<u>38</u>	<u>250.008</u>	<u>1,91%</u>
1	Cá nhân	31	54.468	0,42%
2	Tổ chức	7	195.540	1,49%
	<u>Tổng cộng</u>	<u>632</u>	<u>13.103.830</u>	<u>100%</u>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	836.270	6,38%
	<u>Tổng cộng</u>		<u>7.519.310</u>	<u>57,38%</u>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So sánh (%)	
				TH-2012/ TH-2011	TH-2012/ KH-2012
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.535.218	1.580.000	1.382.343	90,04%	87,49%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	65.402	60.000	52.962	80,98%	88,27%
3. Sản lượng tiêu thụ + Cây đầu lọc (Tr. Cây)	12.685	12.500	11.998	94,6%	96,0%
+ Nhãn in (Tr. Tờ)	2.487	2.520	2.202	88,5%	87,4%
+ Giấy sếp (Tấn)	1.607	1.650	1.626	101,2%	98,5%

- Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012 đạt kết quả không tốt so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều chưa đạt mức kế hoạch đề ra cụ thể : Tổng doanh thu năm 2012 đạt 1.382 tỷ đồng, chỉ bằng 87,5% so với kế hoạch năm và chỉ được 90% so với cùng kỳ. Doanh thu giảm kéo theo lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty cũng giảm mạnh chỉ đạt 52,9 tỷ đồng bằng 88,3% so với kế hoạch năm và chỉ đạt 81% so cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân do thị trường năm nay có nhiều diễn biến phức tạp cùng với tình hình tiêu thụ của các sản phẩm thuốc lá điều xuất khẩu ở những đơn vị sản xuất thuốc điều lớn có sản lượng giảm, các sản phẩm nội tiêu chủ lực trước đây cũng bị giảm sút sản lượng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cụ thể sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong các tháng đầu năm giảm mạnh và kéo dài đến quý II, tình hình chỉ có dấu hiệu phục hồi vào cuối quý III và những tháng cuối năm. Sản lượng các sản phẩm chính của công ty năm nay giảm sút khá nhiều, nhất là sản phẩm in có mức độ tiêu thụ chậm, sản lượng in chỉ đạt 87,4% so với kế hoạch năm và 88,5% so với cùng kỳ. Sản phẩm cây đầu lọc cũng chịu ảnh hưởng về sản lượng giảm tuy nhiên mức độ sụt giảm ít hơn cụ thể sản lượng tiêu thụ cây đầu lọc xấp xỉ 12 tỷ cây chỉ bằng 96% so với kế hoạch năm và đạt 94,6% so với cùng kỳ. Riêng sản phẩm giấy sếp có mức tăng trưởng 1,2% so với cùng kỳ, tuy nhiên doanh thu của mặt hàng này chiếm tỷ trọng chưa lớn.

- Công tác đầu tư trong năm đã hoàn thành theo kế hoạch đề ra, những thiết bị đầu tư mới được triển khai kịp tiến độ và đưa vào khai thác rất hiệu quả, cụ thể như sau:

- ✓ Dự án máy cắt chia cuộn được lắp đặt và đưa vào sử dụng từ tháng 02/2012.
- ✓ Dự án máy in giấy sếp 8 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng từ tháng 06/2012

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

➤ **Thuận lợi:**

- Thuận lợi lớn nhất của công ty trong năm qua là việc tỷ giá USD ổn định trong năm qua, tỷ giá thanh toán thực tế và tỷ giá của ngân hàng không chênh lệch nhiều đã góp phần vào kết quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam trong việc cân đối nguồn ngoại tệ nhập hàng cho công ty.

- Bên cạnh đó, lãi suất ngân hàng trong năm qua có giảm so với năm 2011 cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị khách hàng trong việc thanh toán tiền hàng đã góp phần làm giảm chi phí hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2012.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài Tổng công ty trong năm qua, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất công ty đã cố giữ cho sản lượng ở mức ổn định.

➤ **Khó khăn:**

- Với việc nhãn in chuyển đổi từ king size qua size compact của phần lớn các đơn vị khách hàng cũng đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc điều độ sản xuất, đặt biệt là chi phí đầu tư trực in và dập nổi của công ty.

- Tình hình thị trường trong năm qua diễn biến khá phức tạp, đặc biệt là nhóm hàng nhãn in, ngoài sản lượng không ổn định thì việc đổi mẫu thường xuyên đã làm công tác chuẩn bị vật tư, điều tiết sản xuất và giao hàng gặp rất nhiều khó khăn trong năm qua, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

- Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm qua biến động lớn đã tác động đến tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào. Giá các loại vật tư sản xuất và chi phí vận chuyển đồng loạt tăng trong khi giá bán đầu ra không thể tăng kịp thời. Đây chính là yếu tố khó khăn nhất trong năm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	493.068	540.187	(47.119)	-8,7%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	18.226	85.677	(67.451)	-78,7%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.790	1.190	600	50,4%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	157.206	179.782	(22.576)	-12,6%
IV. Hàng tồn kho	314.275	244.564	69.711	28,5%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.570	28.975	(27.405)	-94,6%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	86.998	85.981	1.017	1,2%
I- Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
II. Tài sản cố định	66.959	66.461	498	0,7%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.108	18.590	518	2,8%
V. Tài sản dài hạn khác	930	930	-	0,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	580.066	626.168	(46.102)	-7,4%

- Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm giảm 7,4% chủ yếu là do giảm tài sản lưu động cụ thể tiền mặt giảm 67 tỷ đồng, do công ty thanh toán nợ đến hạn cho khách hàng và giảm vay nợ ngân hàng. Khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm khoảng gần 23 tỷ đồng, do việc thu nợ khách hàng khả quan và đúng hạn. Công ty không có khoản nợ quá hạn và khó đòi nào cả.

- Hàng tồn kho cuối năm tăng thêm gần 70 tỷ đồng so với đầu năm, tuy nhiên hàng tồn kho này chủ yếu là các vật tư chính phục vụ cho sản xuất được nhập khẩu theo kế hoạch và có dự phòng cho các vật tư sẽ tăng giá trong năm 2013. Hàng tồn kho luôn được luân chuyển và có giá trị sử dụng hợp lý.

- Tài sản dài hạn không có thay đổi nhiều chủ yếu do việc đầu tư mới tài sản tăng thêm tương ứng với chi phí khấu hao tài sản trong năm với số tiền khoảng 23 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	341.753	399.570	(57.817)	-14,5%
I. Nợ ngắn hạn	341.753	399.183	(57.430)	-14,4%
II. Nợ dài hạn	-	387	(387)	-100,0%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	238.312	226.598	11.714	5,2%
I. Vốn chủ sở hữu	238.312	226.598	11.714	5,2%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	580.066	626.168	(46.102)	-7,4%

- Nợ phải trả của Công ty cuối năm giảm gần 58 tỷ đồng tương đương giảm 14,5% tương ứng với việc tài sản lưu động giảm và vốn chủ tăng lên.

- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu đã được cải thiện so với năm trước cụ thể năm trước hệ số nợ phải trả /vốn chủ sở hữu là 1,76 lần, năm này chỉ còn 1,43 lần. Khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản vay Ngân hàng thương mại, với hệ số nợ này tạm thời an toàn trong điều kiện được sự hỗ trợ tín dụng của Ngân hàng một cách bình thường, tuy nhiên vẫn còn rủi ro khi Công ty tăng trưởng doanh thu và đầu tư mở rộng sản xuất. Vì thế để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) nhằm đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty tăng so với năm trước đạt 1,44 lần (năm trước là 1,35 lần) đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu giảm so với năm trước chỉ đạt 20%, tuy nhiên vốn chủ của Công ty đã tăng được 5% so với năm trước.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.

- Thuê đơn vị tư vấn đánh giá hiện trạng công ty để nhận biết những quy trình thủ tục quản lý còn thiếu sót để khắc phục và hoàn thiện.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện hệ thống ISO để quản lý sản xuất.

- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

5. Kế hoạch phát triển trong năm 2013:

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2013 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2013</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.398.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	50.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	67.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	11.500
	- Nhãn in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	2.050
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1.600

Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013:

- Những biến động từ năm 2012 đến nay diễn ra theo chiều hướng không tốt và biến động rất nhiều cùng với những thông tin thị trường trong thời gian tới chưa có dấu hiệu phục hồi nên dự kiến tình hình sản lượng năm 2013 sẽ còn rất khó khăn. Sản phẩm Vinataba trong sáu tháng gần đây đã ổn định trở lại so với đầu năm 2012, tuy nhiên tình hình tiêu thụ vẫn chưa được phục hồi như trước đây. Nhóm hàng nội tiêu của những khách hàng lớn cũng chưa có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Bên cạnh đó, nhóm hàng xuất khẩu có sản lượng giảm mạnh trong năm qua hầu hết chưa có động thái tích cực để cải thiện, với việc duy trì tình hình trong thời gian dài chắc chắn sẽ không thể tăng trưởng trở lại nhanh được.

- Thị trường thuốc lá trong năm tới sẽ có những tác động lớn khi luật phòng chống tác hại thuốc lá được áp dụng. In cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên cả nhãn bao và nhãn tút sẽ ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý của người tiêu dùng và toàn thị trường. Việc in cảnh báo sẽ làm tăng chi phí phụ liệu đối với đơn vị sản xuất thuốc lá điều dẫn tới giá bán tăng gây khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

- Trong năm tới việc thành lập Quỹ phòng chống thuốc lá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá bán thuốc lá trên thị trường dẫn tới ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ. Ngoài ra, do ảnh hưởng từ việc giá phụ liệu đầu vào tăng nên thông tin từ các đơn vị khách hàng trong việc bỏ không sử dụng tút cũng sẽ được triển khai và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới sản lượng của Công ty.

- Với tình hình biến động của giá dầu thô thế giới, tỷ giá của những đồng ngoại tệ ở khu vực nhập khẩu vật tư cùng với nguồn cung ứng vật tư trên thị trường hạn chế, trong năm 2013 giá vật tư sản xuất của Công ty như: Tow, giấy in, dung môi, mực in... tăng so với năm 2012. Yếu tố này sẽ làm tăng giá bán sản phẩm của công ty và ảnh hưởng tới giá thành của đơn vị thuốc lá điều.

- Về thiết bị in của Công ty sau khi cân đối thị phần nhãn in trong thời gian qua để khi tiến hành in cảnh báo trên nhãn trong năm 2013 theo quy định, thì Công ty vẫn đảm bảo được năng lực sản xuất và đáp ứng đủ sản lượng hiện tại. Công ty sẽ tận dụng tối đa lợi thế về năng lực thiết bị khi in cảnh báo hình ảnh áp dụng để mở rộng thị phần nhãn in. Bên cạnh đó cũng có những khó khăn nhất định đối với Công ty như chi phí đầu tư trực in và dập nổi sẽ rất lớn khi toàn bộ nhãn in đều thay đổi mẫu và số lượng màu in khá nhiều.

- Lãi suất trong năm nay có giảm so với những năm trước phần nào tạo thuận lợi cho Công ty trong thời gian qua, nhưng với tình hình kinh tế hiện nay khả năng tăng lãi suất là rất rõ ràng. Thông tư 37/2012/TT-NHNN ban hành vào tháng 12 không cho phép các doanh nghiệp vay bằng ngoại tệ khi không có nguồn xuất khẩu cũng sẽ làm tăng chi phí tài chính của Công ty khi mà hầu hết nguyên liệu đều nhập khẩu.

- Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình năm 2013 sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp. Công ty sẽ luôn theo sát diễn biến thị trường kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất nhằm quản lý sản xuất tốt, nỗ lực tăng cường tập trung chăm sóc thị trường trong nước. Bên cạnh đó là việc cải tiến công nghệ, nâng cao kỹ thuật triệt để thực hành tiết kiệm giảm thiểu chi phí đồng thời không ngừng nâng cao trình độ nguồn nhân lực, phát huy hết khả năng để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

6. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh

- Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 đã không đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao cho cụ thể Doanh thu đạt 87,5% và Lợi nhuận đạt 88,3% . Lý do chính là do thị trường sản phẩm của công ty còn phụ thuộc nhiều vào đầu ra của các Công ty sản xuất thuốc điều trị trong nước, khi các Công ty sản xuất thuốc gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm thì cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tuy nhiên với tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 37%/vốn điều lệ trong điều kiện nền kinh tế chung trong nước và thế giới có nhiều bất ổn thì đó cũng là sự cố gắng lớn của Công ty.

b. Về hoạt động đầu tư và nguồn lực hỗ trợ

- Trong năm công ty đã hoàn tất việc lắp đặt và đưa vào sản xuất các thiết bị máy móc gồm : 01 máy in 8 màu giấy sấp, và 01 máy cắt giấy chia cuộn đúng tiến độ theo phê duyệt của Hội đồng quản trị đảm bảo duy trì năng lực sản xuất giấy sấp.
- Hoàn tất và đưa vào sử dụng phần mềm ERP.
- Thực hiện đánh giá tính tuân thủ các hoạt động của Công ty đưa ra biện pháp phòng ngừa và khắc phục.

c. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động; Bổ nhiệm các vị trí quản lý cho phòng Kế hoạch vật tư, bộ phận kho.
- Công ty luôn chú trọng chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

d. Về công tác đoàn thể và xã hội

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên trong công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...
- Công ty cũng dành một phần kinh phí tham gia các hoạt động xã hội như tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo...

e. Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

f. Về tiềm năng sản phẩm của Công ty

- Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước. Công tác thị trường luôn được công ty chú trọng.
- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh đạt được năm 2012, Ban giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty chưa hoàn thành được nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho, tuy nhiên trước những khó khăn chung của nền kinh tế với kết quả đã đạt được Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực trong các hoạt động của Ban giám đốc cụ thể:
 - Ban Giám Đốc công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2012.
 - Giám sát sản xuất chặt chẽ quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm và giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất.
 - Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh.
 - Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán sản phẩm khi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng giá hoặc giảm giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.
 - Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
 - Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Xây dựng chiến lược công ty, tổ chức bộ máy quản trị rủi ro trong công ty.
- Thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để chuyên trách giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Chỉ đạo Ban giám đốc thường xuyên quan tâm đến công tác nguồn nhân sự đào tạo và tuyển dụng; công tác thị trường; công tác quản lý tài chính, vốn và dòng tiền; công tác quản trị rủi ro công ty. Đặc biệt quan tâm tới công tác đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với định hướng phát triển mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Quách Kim Anh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 15/02/1960 Nghệ An Việt Nam Đại học (Kinh tế Công nghiệp). Chủ tịch Hội đồng quản trị. + Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. + Ủy viên HĐQT Liên doanh BAT-VINATABA. + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị. 4.865 CP, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
2. Ông Bùi Tấn Hòa + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 26/04/1971 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí Giám đốc, Ủy viên hội đồng quản trị Không. 9.041 CP, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
3. Ông Cù Mạnh Đạt + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 21/06/1968 Nam Định Việt Nam Cử nhân kinh tế, cử nhân Công nghệ thông tin. Ủy viên Hội đồng quản trị; Trưởng phòng Đầu tư. Không. 27.004 CP, chiếm 0,21% vốn điều lệ.

4. Ông Trương Bình An Sơn + Giới tính : Nam + Ngày tháng năm sinh : 02/08/1958 + Nơi sinh : Sài gòn + Quốc tịch : Việt Nam + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD + Chức vụ công tác tại Công ty : Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng quản trị. + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : Không. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 48.999 CP, chiếm 0,37% vốn điều lệ.	
5. Ông Nguyễn Duy Khánh + Giới tính : Nam + Ngày tháng năm sinh : 22/07/1964 + Nơi sinh : Sài gòn + Quốc tịch : Việt Nam + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. + Chức vụ công tác tại Công ty : Ủy viên Hội đồng quản trị. + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn. + Ủy viên HĐQT Công ty CP Hòa Việt. + Ủy viên HĐQT Công ty CP Sài Gòn. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.	

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

+ Bà Quách Kim Anh, Ông Bùi Tấn Hòa, Ông Cù Mạnh Đạt cùng đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt nam số lượng 6.683.040 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Duy Khánh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH 1 TV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 836.270 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 2 thành viên : Bà Quách Kim Anh và Ông Nguyễn Duy Khánh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 3 thành viên : Ông Bùi Tấn Hòa, Ông Trương Bình An Sơn, Ông Cù Mạnh Đạt.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Chưa có.

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

- Tiểu ban soát xét, đánh giá hệ thống quản trị Công ty gồm các thành viên:
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban.
 - + Ông Nguyễn Đức Hạnh - Phó Giám đốc, Phó ban
 - + Bà Đỗ Bích Ngọc - Ủy viên thường trực.
 - + Ông Nguyễn Thế Bảo - Ủy viên.
 - + Bà Đặng Thị Thanh Vân - Ủy Viên.
- Tiểu Ban xây dựng chiến lược phát triển công ty.
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban.
 - + Ông Bùi Tấn Hòa - Giám đốc, Phó ban.
 - + Ông Cù Mạnh Đạt - UV HĐQT, UV thường trực.
 - + Ông Trương Bình An Sơn - UV HĐQT, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Đức Hạnh - Phó Giám đốc, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Hoàng Minh - Phó Giám đốc, Ủy viên.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát triển khai việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2012.
- Giám sát triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát triển khai việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2011 cho cổ đông;
- Giám sát việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tiến hành 5 cuộc họp và ban hành các nghị quyết sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	39/NQ-CL	13/01/2012	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2011; Đề xuất Kế hoạch SXKD 2012; Thông qua thời gian địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Thông qua việc phân công công tác trong HĐQT; Quyết toán chi phí thị trường 2011; ...
2	155/NQ-CL	21/03/2012	Thông qua nội dung và tài liệu trình đại hội cổ đông

			2012; Đề xuất việc phân phối lợi nhuận 2011, chọn đơn vị kiểm toán 2012, đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS 2012; Thông qua việc quyết toán dự án hoàn thành đầu tư 01 máy in 09 màu.
3	240/NQ-CL	20/04/2012	Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý 1/2012, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2012; Thông qua chi phí thuê tư vấn đánh giá thực trạng và xác định các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Thông qua các quy chế Công tác văn thư lưu trữ, quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn viên.
4	378/NQ-CPCL	16/07/2012	Thông qua kết quả SXKD quý 2/2012; Kế hoạch SXKD quý 3/2012; Thông qua chi phí thị trường 6 tháng đầu năm 2012; Thông qua quy chế Thi đua khen thưởng.
5	529/NQ-CPCL	22/10/2012	Thông qua kết quả SXKD quý 3/2012; Kế hoạch SXKD quý 4/2012; Thông qua chi phí thị trường 2013; Thông qua việc tạm ứng cổ tức 2012, tỷ lệ cổ tức 10%; Sửa đổi quy chế quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ; Thông qua quyết toán máy in giấy sếp 8 màu; Hình thức sổ kế toán năm 2013; Thông qua báo cáo tư vấn rủi ro...

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Chưa có.

e. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm tiểu ban soát xét đánh giá hệ thống Quản trị công ty và tiểu ban xây dựng chiến lược tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đóng góp và triển khai công việc.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty..

- Ông Cù Mạnh Đạt.
- Ông Trương Bình An Sơn.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Mai Thị Thu Lan + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 26/12/1961 Gia Lâm, Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế. Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát nội bộ – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Bà Trịnh Thanh Huyền + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 10/10/1958 Nam Định Việt Nam Cử nhân kinh tế tài chính. Ủy viên Ban Kiểm soát Kế toán trưởng – Công ty Thuốc lá Thăng Long. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Văn Đạo + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 29/05/1954 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí. Ủy viên Ban Kiểm soát Không. 75.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.

b. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011;

- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2012 trước khi trình ĐHĐCĐ trong phiên họp ngày 04/04/2013;
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội cổ đông, Tổng công ty, Hội đồng quản trị và Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;
- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;
- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát năm 2012.

Đơn vị tính đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập
1	Quách Kim Anh	Chủ tịch HĐQT	142.222.221	44.751.000	186.973.221
2	Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	125.027.600	49.724.000	174.751.600

3	Bùi Tấn Hòa	Ủy viên, Giám đốc	657.449.127	49.724.000	707.173.127
4	Trương Bình An Sơn	Ủy viên, Kế toán trưởng	352.040.698	49.724.000	401.764.698
5	Cù Mạnh Đạt	Ủy viên	308.379.565	49.724.000	358.103.565
	Tổng cộng		1.585.119.211	243.647.000	1.828.766.211
BAN KIỂM SOÁT					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập
1	Mai Thị Thu Lan	Trưởng BKS	95.500.000	-	95.500.000
2	Trịnh Thanh Huyền	Ủy viên	97.000.000	-	97.000.000
3	Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	92.000.000	-	92.000.000
	Tổng cộng		284.500.000	-	284.500.000
BAN GIÁM ĐỐC					
STT	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập
1	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	412.743.620	24.862.000	437.605.620
3	Nguyễn Hoàng Minh	Phó giám đốc	372.810.136	16.575.000	389.385.136
	Tổng cộng		785.553.756	41.437.000	826.990.756

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Chỉ có cổ đông nội bộ là Ông Nguyễn Duy Khánh là Đại diện pháp luật của Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn là có hợp đồng giao dịch mua hàng của Công ty với tư cách pháp nhân là tổ chức trị giá phát sinh doanh thu trong năm 2012 là 599.183.317.833 đồng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại

ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quách Kim Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh	Chủ tịch
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà Trịnh Thanh Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

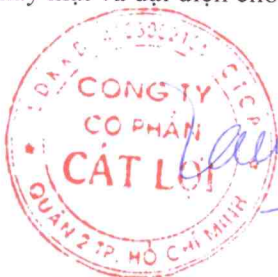
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT - BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại Chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Tấn Hòa

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		493.067.817.242	540.187.256.456
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.226.046.047	85.676.880.234
Tiền	111		18.226.046.047	85.676.880.234
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.790.071.600	1.190.047.600
Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(760.030.400)	(1.360.054.400)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.206.369.556	179.781.513.227
Phải thu khách hàng	131		154.773.591.636	177.801.956.742
Trả trước cho người bán	132		2.403.489.950	1.973.805.662
Các khoản phải thu khác	135		29.287.970	5.750.823
Hàng tồn kho	140		314.275.155.597	244.564.037.563
Hàng tồn kho	141	6	314.275.155.597	244.564.037.563
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.570.174.442	28.974.777.832
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.998.819	67.889.288
Thuế GTGT được khấu trừ	152	7	1.445.675.623	3.576.259.740
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	63.500.000	25.330.628.804
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.997.826.857	85.981.165.407
Tài sản cố định	220		66.959.339.153	66.460.571.989
Tài sản cố định hữu hình	221	9	58.624.344.590	57.732.072.646
- Nguyên giá	222		433.168.825.177	410.328.646.296
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(374.544.480.587)	(352.596.573.650)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.334.994.563	7.761.437.813
- Nguyên giá	228		16.858.412.799	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.523.418.236)	(7.763.774.776)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	967.061.530
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	19.108.202.443	18.590.308.157
Đầu tư dài hạn khác	258		20.250.000.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.141.797.557)	(1.659.691.843)
Tài sản dài hạn khác	260		930.285.261	930.285.261
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		930.285.261	930.285.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		580.065.644.099	626.168.421.863

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		341.753.390.171	399.570.338.855
Nợ ngắn hạn	310		341.753.390.171	399.183.459.903
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	281.944.117.686	276.759.895.258
Phải trả người bán	312		43.543.559.869	98.413.458.087
Người mua trả tiền trước	313		1.301.041	241.339.069
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6.121.720.046	13.058.803.195
Phải trả người lao động	315		6.282.820.597	6.618.058.372
Chi phí phải trả	316		337.553.492	456.715.634
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.069.626.558	1.776.791.510
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.452.690.882	1.858.398.778
Nợ dài hạn	330		-	386.878.952
Vay và nợ dài hạn	334	14	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	386.878.952
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.312.253.928	226.598.083.008
Vốn chủ sở hữu	410	17	238.312.253.928	226.598.083.008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(653.604.578)
Quỹ đầu tư phát triển	417		33.374.903.059	19.738.135.663
Quỹ dự phòng tài chính	418		22.707.787.270	16.791.232.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.191.263.599	59.684.019.653
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		580.065.644.099	626.168.421.863

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			720.637.500	611.541.038
Ngoại tệ các loại				
- USD			20.456,12	2.060.245,81
-EUR			-	78,71

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

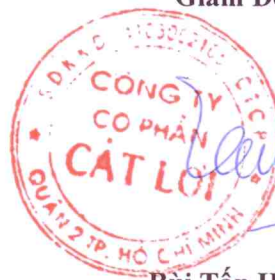
Giám Đốc



Lieu Phuc Tinh



Truong Binh An Son



Bui Tan Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.380.338.786.617	1.526.330.133.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.380.338.786.617	1.526.330.133.186
Giá vốn hàng bán	11	19	1.256.004.156.088	1.360.001.417.272
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.334.630.529	166.328.715.914
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.504.999.405	7.757.795.307
Chi phí tài chính	22	21	32.294.757.253	68.349.230.872
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.152.964.768	35.673.826.220
Chi phí bán hàng	24	22	23.985.786.800	22.170.616.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	16.953.041.184	19.291.870.113
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.606.044.697	64.274.793.684
Thu nhập khác	31		499.486.328	1.129.961.893
Chi phí khác	32		143.417.067	3.192.207
Lợi nhuận khác	40		356.069.261	1.126.769.686
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.962.113.958	65.401.563.370
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.225.417.616	6.235.701.493
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(930.285.261)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.736.696.342	60.096.147.138
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.719	4.586

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Lieu Phước Tính

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hoà

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		52.962.113.958	65.401.563.370
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		22.707.550.397	28.448.494.843
Các khoản dự phòng	3		(1.117.918.286)	2.369.720.243
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(242.782.327)	(913.768.827)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(696.293.074)	(1.435.481.541)
Chi phí lãi vay	6		30.152.964.768	35.673.826.220
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		103.765.635.436	129.544.354.308
Tăng giảm các khoản phải thu	9		24.879.167.220	13.284.972.767
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(69.711.118.034)	41.772.448.799
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(62.734.022.479)	31.382.018.088
Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.890.469	35.905.423
Tiền lãi vay đã trả	13		(30.272.126.910)	(35.673.826.220)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.313.545.506)	(5.018.841.920)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		25.440.100.800	637.967.896
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.695.476.822)	(26.373.442.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.634.495.826)	149.591.556.629
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.206.317.561)	(64.774.761.555)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.454.545
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		696.293.074	1.430.026.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.510.024.487)	(63.339.280.014)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.219.271.889.132	1.070.974.646.039
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.213.824.451.893)	(1.115.447.686.900)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(32.759.671.000)	(23.586.794.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.312.233.761)	(68.059.834.861)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(67.456.754.074)	18.192.441.754
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	85.676.880.234	67.484.438.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.919.887	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18.226.046.047	85.676.880.234

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Liêu Phước Tính

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hoà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/08/2008 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 đồng chia thành 13.103.830 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 6.683.040 cổ phần tương ứng 66.830.400.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 6.420.790 cổ phần tương ứng 64.207.900.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy phép số 64/UBCKGPNY ngày 18/10/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với mã cổ phiếu là: CLC, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16 tháng 11 năm 2006.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kiểm toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong năm Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	3 - 7
- Phương tiện vận tải	3
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 8

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của máy in ATN6 9 màu, là tài sản có nguyên giá 69.461.299.463 đồng, được đưa vào sử dụng từ quý IV năm 2011. Cụ thể, năm 2011, Công ty áp dụng thời gian khấu hao là 1 năm; năm 2012, thời gian khấu hao nhanh 3,5 năm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, mức khấu hao năm 2012 giảm từ 5.788.441.622 đồng/tháng xuống còn 1.335.794.221 đồng/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính .

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính Công ty tự xác định khấu hao trong 1,5 năm theo chuẩn mực kế toán số 04 tài sản cố định vô hình.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

Cụ thể, đối với các khoản đầu tư chứng khoán, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính. Đối với chứng khoán đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt năm 2012 chưa được kiểm toán.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Đối với các sản phẩm, dịch vụ đã nghiệm thu, quyết toán toàn bộ khối lượng hoàn thành, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.
- Đối với các sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo giai đoạn, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ bên A thực thanh toán và Công ty đã phát hành hoá đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)***Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài chỉ được vốn hoá tăng vào nguyên giá tài sản cố định khi tài sản dở dang có thời hạn đầu tư trên 12 tháng căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 16, các khoản phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo các tỷ giá được qui định cụ thể như sau:

Đối với ngoại tệ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có công bố tỷ giá qui đổi ra đồng Việt Nam, việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán áp dụng tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với ngoại tệ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá qui đổi ra đồng Việt Nam, trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo tỷ giá mua vào chuyển khoản bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 15%, 20% và 25% tính trên thu nhập chịu thuế cho từng hoạt động chịu thuế theo Nghị định 152/2004/NĐ-CP Ngày 06/08/2004 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính Phủ, quy định đối với cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với máy in ATN6 9 màu. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại năm 2011 sẽ được Công ty tính và hạch toán vào năm khấu hao cuối cùng của tài sản.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2 TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	108.950.500	88.244.500
Tiền gửi ngân hàng	18.117.095.547	85.588.635.734
Cộng	18.226.046.047	85.676.880.234

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Tại 31/12/2012		Tại 01/01/2012
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.550.102.000		2.550.102.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí (Đạm Phú Mỹ)	50.002	2.550.102.000	50.002	2.550.102.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(760.030.400)		(1.360.054.400)
Cộng		1.790.071.600		1.190.047.600
Giá cổ phiếu Đạm Phú Mỹ (đồng/CP)		35.800		23.800

6. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.044.161.073	-
Nguyên liệu, vật liệu	261.938.233.364	213.114.960.469
Công cụ, dụng cụ	27.055.666	44.395.833
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.884.257.385	9.097.446.502
Thành phẩm	35.381.448.109	22.307.234.759
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	314.275.155.597	244.564.037.563

7. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Là thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng của nhân viên	43.500.000	217.054.404
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	25.113.574.400
Cộng	63.500.000	25.330.628.804

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	28.220.327.967	372.294.128.007	6.498.891.604	3.315.298.718	410.328.646.296
- Mua trong năm	416.179.000	20.361.301.065	1.115.030.455	947.668.361	22.840.178.881
Tại ngày 31/12/2012	28.636.506.967	392.655.429.072	7.613.922.059	4.262.967.079	433.168.825.177
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	25.336.211.787	318.408.063.205	5.846.314.891	3.005.983.767	352.596.573.650
- Khấu hao trong năm	248.230.542	20.679.596.749	735.242.014	284.837.632	21.947.906.937
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	25.584.442.329	339.087.659.954	6.581.556.905	3.290.821.399	374.544.480.587
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	2.884.116.180	53.886.064.802	652.576.713	309.314.951	57.732.072.646
Tại ngày 31/12/2012	3.052.064.638	53.567.769.118	1.032.365.154	972.145.680	58.624.344.590

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là:

Nguyên giá tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là:

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là:

331.891.452.553

221.981.302.972

38.608.333.378

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	15.502.607.589	22.605.000	15.525.212.589
- Mua mới trong năm	-	1.333.200.210	1.333.200.210
Tại ngày 31/12/2012	15.502.607.589	1.355.805.210	16.858.412.799
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	7.741.169.776	22.605.000	7.763.774.776
- Khấu hao trong năm	350.140.056	409.503.404	759.643.460
Tại ngày 31/12/2012	8.091.309.832	432.108.404	8.523.418.236
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	7.761.437.813	-	7.761.437.813
Tại ngày 31/12/2012	7.411.297.757	923.696.806	8.334.994.563

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 22.605.000 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là: 15.502.607.589 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đơn vị dùng để thế chấp, cầm cố vay ngân hàng là: 7.411.297.757 đồng

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	967.061.530
Trong đó:		
+ Phần mềm Microsoft Dynamic AX	-	952.433.530
+ Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương	-	14.628.000

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012		Tại 01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		20.250.000.000		20.250.000.000
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	2.025.000	20.250.000.000	2.025.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	(1.141.797.557)	-	(1.659.691.843)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt		(1.141.797.557)		(1.659.691.843)
Cộng		19.108.202.443		18.590.308.157

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ	98.077.258.724	15.000.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng VID Puplic	16.942.016.794	42.058.090.164
Vay ngắn hạn Ngân hàng China Trust	13.258.059.764	26.580.981.443
Vay ngắn hạn ngân hàng Quốc tế	-	13.270.219.662
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	120.966.782.404	114.750.603.989
Vay ngắn hạn Ngân hàng Hong Leong	32.700.000.000	65.100.000.000
Cộng	281.944.117.686	276.759.895.258

CHI TIẾT VAY NGẮN HẠN BẰNG NGOẠI TỆ

		Tại 31/12/2012
	USD	VND
Vay ngắn hạn	8.600.965,34	179.244.117.686
Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ	1.347.277,29	28.077.258.724
Vay ngắn hạn Ngân hàng China Trust	636.183,29	13.258.059.764
Vay ngắn hạn Ngân hàng VID Puplic	812.956,66	16.942.016.794
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại Thương VN	5.804.548,10	120.966.782.404

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Không phát sinh.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2012	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	7.185.074.024	197.733.569.886	201.493.771.371	3.424.872.539
Thuế xuất, nhập khẩu	2.991.387.448	21.869.135.587	24.415.169.186	445.353.849
Thuế thu nhập DN	2.109.838.044	4.225.417.616	4.313.545.506	2.021.710.154
Thuế thu nhập cá nhân	772.503.679	1.211.364.751	1.754.084.926	229.783.504
Thuế nhà thầu	-	180.682.900	180.682.900	-
Cộng	13.058.803.195	225.220.170.740	232.157.253.889	6.121.720.046

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.764.107	68.607.019
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	275.000.000	361.000.000
Tạm thu về thuế TNCN	270.112.272	1.024.368.262
Các khoản phải trả, phải nộp khác	438.750.179	322.816.229
Cộng	1.069.626.558	1.776.791.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp theo Giấy chứng nhận kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2012	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51%	66.830.400.000	51%	66.830.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,4%	8.362.700.000	6,4%	8.362.700.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,1%	5.338.040.000	4,1%	5.338.040.000
Cổ đông khác	38,5%	50.507.160.000	38,5%	50.507.160.000
Cộng	100%	131.038.300.000	100%	131.038.300.000

17.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.103.830	13.103.830
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.103.830	13.103.830
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.103.830	13.103.830
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.103.830	13.103.830
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/CP)	10.000	10.000

17.3 CỔ TỨC

Năm 2011, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông bằng 25% mệnh giá, trong đó đã chi cổ tức đợt 2 trong năm 2012 với số tiền 19.655.745.000 đồng. Năm 2012, Công ty tạm ứng cổ tức bằng 10% vốn điều lệ với số tiền 13.103.830.000 đồng.

17.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển :	33.374.903.059	19.738.135.663
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	21.478.427.059	10.799.936.663
+ <i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	11.896.476.000	8.938.199.000
Quỹ dự phòng tài chính	22.707.787.270	16.791.232.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	131.038.300.000	5.801.550.793	13.925.517.125	12.504.408.270	38.311.033.053	201.580.809.241
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	60.096.147.138	60.096.147.138
Trích các quỹ	-	-	5.812.618.538	4.286.824.000	(10.099.442.538)	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm 2010	-	(5.801.550.793)	-	-	-	(5.801.550.793)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	(653.604.578)	-	-	-	(653.604.578)
Chia cổ tức còn lại năm 2010	-	-	-	-	(23.586.894.000)	(23.586.894.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.036.824.000)	(5.036.824.000)
Tại ngày 31/12/2011	131.038.300.000	(653.604.578)	19.738.135.663	16.791.232.270	59.684.019.653	226.598.083.008
Tại ngày 01/01/2012	131.038.300.000	(653.604.578)	19.738.135.663	16.791.232.270	59.684.019.653	226.598.083.008
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	48.736.696.342	48.736.696.342
Trích các quỹ (*)	-	-	13.636.767.396	5.916.555.000	(19.553.322.396)	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm 2011	-	653.604.578	-	-	-	653.604.578
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(4.916.555.000)	(4.916.555.000)
Chia cổ tức còn lại năm 2011	-	-	-	-	(19.655.745.000)	(19.655.745.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012 (**)	-	-	-	-	(13.103.830.000)	(13.103.830.000)
Tại ngày 31/12/2012	131.038.300.000	-	33.374.903.059	22.707.787.270	51.191.263.599	238.312.253.928

(*) Công ty trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 206/NQ-CL ngày 04/04/2012.

(**) Cty tạm ứng cổ tức 10% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 529/NQ-CPCL ngày 20/10/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.380.338.786.617	1.526.330.133.186
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.362.559.351.228	1.481.333.245.368
Doanh thu bán vật tư	2.596.566.913	22.052.079.468
Doanh thu gia công, chế biến	3.000.041.823	5.681.235.755
Doanh thu phế liệu thu hồi	11.232.036.471	16.317.551.373
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	950.790.182	946.021.222

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.238.563.357.579	1.317.721.885.757
Giá vốn của vật tư	2.452.447.175	21.093.236.337
Giá vốn gia công chế biến	2.768.480.307	3.903.955.365
Giá vốn phế liệu thu hồi	11.232.036.471	16.317.551.373
Giá vốn của dịch vụ khác	950.790.182	946.021.222
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	37.044.374	18.767.218
Cộng	1.256.004.156.088	1.360.001.417.272

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	446.283.074	1.330.116.357
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.010.000	100.004.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	565.924.004	5.397.073.177
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	242.782.327	930.601.773
Cộng	1.504.999.405	7.757.795.307

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	30.152.964.768	35.673.826.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	16.832.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.259.710.771	30.288.851.463
Dự phòng đầu tư dài hạn	(517.894.286)	1.659.691.843
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	(600.024.000)	710.028.400
Cộng	32.294.757.253	68.349.230.872

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.783.322.339	20.423.634.732
Chi phí khác bằng tiền	2.202.464.461	1.746.981.820
Cộng	23.985.786.800	22.170.616.552

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.378.228.233	7.228.588.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.575.331.146	685.726.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.938.768	753.384.479
Chi phí khác bằng tiền	8.111.543.037	10.624.170.143
Cộng	16.953.041.184	19.291.870.113

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.736.696.342	60.096.147.138
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	48.736.696.342	60.096.147.138
Số cổ phiếu bình quân	13.103.830	13.103.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.719	4.586

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.962.113.958	65.401.563.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.066.541.877	15.013.595.161
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.326.878.248	15.113.599.161
- Các khoản điều chỉnh giảm	260.336.371	100.004.000
Tổng thu nhập chịu thuế	56.028.655.835	80.415.158.531
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	8.416.767.626	12.180.947.889
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	4.191.350.010	5.945.246.396
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	4.225.417.616	6.235.701.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

(*) CHI TIẾT CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 15% VND	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 20% VND	Hoạt động chịu mức thuế suất thuế TNDN 25% VND	Tổng cộng VND
Thu nhập tính thuế	55.884.666.800	38.593.059	105.395.976	56.028.655.835
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	20%	25%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	8.382.700.020	7.718.612	26.348.994	8.416.767.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	4.191.350.010	-	-	4.191.350.010
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.191.350.010	7.718.612	26.348.994	4.225.417.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Cát Lợi là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam và các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh, các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	1.124.799.477.193	1.328.661.873.864
Công ty Thuốc lá An Giang	4.054.395.292	5.454.085.666
Công ty Thuốc lá Bến Tre	18.663.041.926	13.644.214.305
Công ty Thuốc lá Cửu Long	12.170.664.154	15.103.748.468
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	18.970.585.470	17.941.488.011
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	45.733.087.040	39.663.035.940
Công ty Thuốc Lá Hải Phòng	29.173.539.234	25.043.160.808
Công ty Thuốc Lá Long An	47.890.965.352	47.151.050.216
Công ty Thuốc Lá Sài Gòn	599.183.317.833	776.503.630.506
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	34.797.572.948	36.229.770.076
Công ty Thuốc lá Thăng Long	313.999.675.744	332.593.991.334
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	72.000.000	19.291.599.798
Chi nhánh Công ty Thương mại Miền Nam	-	42.098.736
- Công ty Thuốc lá Đà Nẵng	90.632.200	-

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>122.836.644.902</i>	<i>152.698.905.556</i>
Công ty Thuốc lá An Giang	471.059.248	430.110.560
Công ty Thuốc lá Bến Tre	3.627.650.180	3.645.474.030
Công ty Thuốc lá Cửu Long	1.643.566.584	2.779.546.286
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	2.421.445.581	3.882.806.976
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	6.613.582.715	9.307.186.970
Công ty Thuốc Lá Long An	15.324.247.226	10.157.880.337
Công ty Thuốc Lá Sài Gòn	58.752.829.518	79.150.919.323
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	6.411.931.852	6.251.456.291
Công ty Thuốc lá Thăng Long	27.550.091.998	37.093.524.783
Công ty Thuốc lá Đà Nẵng	20.240.000	-
Các khoản phải trả		
<i>Phải trả người bán</i>	<i>4.270.264.115</i>	<i>25.796.924.851</i>
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	2.911.931.947	24.250.023.445
Công ty Thương mại Miền Nam	1.358.332.168	1.546.901.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn nút, giấy sáp và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn nút VND	Giấy sáp VND	Khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	807.530.015.064	422.487.859.994	132.541.476.170	17.779.435.389	1.380.338.786.617
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	807.530.015.064	422.487.859.994	132.541.476.170	17.779.435.389	1.380.338.786.617
Khấu hao và chi phí phân bổ	769.708.778.126	416.196.851.132	124.162.441.467	17.308.611.934	1.327.376.682.659
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.821.236.938	6.291.008.862	8.379.034.703	470.833.455	52.962.113.958
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	915.033.150	1.741.380.200	17.735.247.715	2.814.656.496	23.206.317.561
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	580.065.644.099
Tổng tài sản					580.065.644.099
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	341.753.390.171
Tổng nợ phải trả					341.753.390.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.375.157.188.101	5.181.598.516	1.380.338.786.617
Tài sản bộ phận	-	-	580.065.644.099
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	23.206.317.561	-	23.206.317.561

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH****Các yếu tố rủi ro tài chính****Tổng quan**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- a. Rủi ro thị trường
- b. Rủi ro tín dụng
- c. Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(a.1) Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**a. Rủi ro thị trường (tiếp)****(a.1) Rủi ro tiền tệ (tiếp)**

Rủi ro tiền tệ của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			
	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	20.456,12	-	425.890.300	-
Trả trước người bán	7.730,00	37.875,00	161.093.200	1.039.327.875
Cộng	28.186,12	37.875,00	586.983.500	1.039.327.875
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	791.019,53	42.763,73	16.484.847.005	1.173.479.515
Các khoản vay	8.600.965,34	-	179.244.117.686	-
Cộng	9.391.984,87	42.763,73	195.728.964.691	1.173.479.515
Mức rủi ro tiền tệ	9.420.170,99	80.638,73	196.315.948.191	2.212.807.390

	Tại ngày 01/01/2012			
	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	2.060.245,81	78,71	42.910.799.731	2.174.993
Trả trước người bán	78.000,00	-	1.638.858.000	-
Cộng	2.138.245,81	78,71	44.549.657.731	2.174.993
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	1.306.861,70	-	27.219.315.487	-
Vay ngắn hạn	6.177.256,35	-	128.659.895.258	-
Cộng	7.484.118,05	-	155.879.210.745	-
Mức rủi ro tiền tệ	9.622.363,86	78,71	200.428.868.476	2.174.993

Tại ngày 31/12/2012, các khoản mục có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá quy định và được ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 nếu đồng Đô la Mỹ tăng hoặc giảm 2% so với đồng Việt Nam, không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo sẽ cao hoặc thấp hơn so với năm 2012 một khoản là: 3.926.318.964 đồng Việt Nam (196.315.948.191 x 2%) do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính có gốc là đồng Đô la Mỹ.

(a.2) Rủi ro giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**a. Rủi ro thị trường (tiếp)****(a.2) Rủi ro giá (tiếp)**

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Điều hành.

(a.3) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư với ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****b. Rủi ro tín dụng (tiếp)****Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị suy giảm giá trị**

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 154.773.591.636 đồng. Trong đó, giá trị phải thu khách hàng quá hạn tuy nhiên không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty tại ngày 31/12/2012 chi tiết bảng kê bên dưới:

Quá hạn	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Từ 1 đến 30 ngày	19.716.398.116	12.746.890.410
Từ 31 đến 60 ngày	5.320.470.798	1.205.873.480
Từ 61 đến 90 ngày	77.859.144	-
Cộng	25.114.728.058	13.952.763.890

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Phải trả người bán	43.543.559.869	-	43.543.559.869
Các khoản vay	281.944.117.686	-	281.944.117.686
Chi phí phải trả	337.553.492	-	337.553.492
Nợ tài chính khác	714.959.773	-	714.959.773
Cộng	326.540.190.820	-	326.540.190.820
Tại 01/01/2012			
Phải trả người bán	98.413.458.087	-	98.413.458.087
Các khoản vay	276.759.895.258	-	276.759.895.258
Chi phí phải trả	456.715.634	-	456.715.634
Nợ tài chính khác	857.537.368	-	857.537.368
Cộng	376.487.606.347	-	376.487.606.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****c. Rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty dễ dàng có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

Ban điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu**Lieu Phuc Tinh****Kế toán trưởng****Trương Bình An Sơn****Giám Đốc****Bùi Tấn Hoà**